|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN NAM ĐÔNG  **BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 12/BC-BCĐ | *Nam Đông, ngày 24 tháng 6 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả chuyển đổi số Quý II**

**và triển khai phương hướng, nhiệm vụ Quý III năm 2024**

Thực hiện chương trình hoạt động năm 2024. Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện báo cáo kết quả chuyển đổi số Quý II năm 2024 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ Quý III năm 2024 cụ thể như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Tham mưu UBND huyện ban hành 13 văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện trong công tác chuyển đổi số *(Có phụ lục kèm theo*).

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

Trong Quý đã thực hiện hoàn thành 20/53 tiêu chí[[1]](#footnote-1), đang thực hiện 28/53 tiêu chí, chưa thực hiện 5/53 tiêu chí Chuyển đổi số cấp huyện *(Có phụ lục kèm theo*).

**1. Nhận thức số** *(Đạt 5/10 tiêu chí, đang thực hiện 5/10 tiêu chí)*

Ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 01/01/2024 về kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Nam Đông*.*

UBND huyện đã tổ chức hội nghị Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí Chuyển đổi số năm 2023 và triển khai nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2024; tổ chức họp đánh giá kết quả chuyển đổi số Quý I và triển khai phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024*.*

Trang thông tin điện tử đã thường xuyên cập nhật bản tin hoạt động lãnh đạo đơn vị *(104 tin/24 tin).*

UBND huyện đã triển khai công văn số 486/UBND-VHTT ngày 02/4/2024 về triển khai nền tảng số truyền thông trên ứng dụng Hue-S cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn *(Tại tiêu chí: truyền thông chính sách và truyền thông nội bộ, cập nhật đến ngày 10/6/2024: 1/24 tin).*

Đã biên tập 6 tin phát đi, các bản tin thuộc các nhóm (Thông báo, cảnh báo, bản tin truyền thông .v.v.) trên phần mềm Hue-S.

Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động đã tiếp cận thông tin tại chức năng “Truyền thông, cảnh báo” trên Hue-S đạt 81,3% *(*787/968 tài khoản đọc tin), các tài khoản chưa tiếp cận thông tin trên Hue-S (chiếm 18,7%) chủ yếu thuộc viên chức ngành giáo dục*[[2]](#footnote-2)*.

**2. Thể chế số** *(Đạt 2/3 tiêu chí, đang thực hiện 1/3 tiêu chí)*

Đã ban hànhKế hoạch số 13/KH-UBND ngày 08/01/2024 về Kế hoạch chuyển đổi số huyện Nam Đông năm 2024.

Tham mưu UBND huyện ban hành 19/19 văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên cơ sở các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh*.*

Triển khai công văn số 530/UBND-VHTT ngày 10/4/2024 về thực hiện tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2024.

**3. Hạ tầng số** *(Đạt 1/6 tiêu chí, đang thực hiện 4/6 tiêu chí, chưa thực hiện 1/6 tiêu chí)*

Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động sử dụng điện thoại thông minh (căn cứ việc cài đặt Hue-S có chuẩn hóa tài khoản) là 921/968TK đạt 97,36%. Còn 2,64% CB, CVC chưa đăng ký tài khoản Hue-S chủ yếu là viên chức ngành giáo dục[[3]](#footnote-3).

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành sử dụng thiết bị thông minh (căn cứ việc cài đặt Hue-S có chuẩn hóa thông tin): Đã có 15.958 Tk Hue–S, trong đó có 4.466 Tk chuẩn hóa, chiếm 27,99%.

Tỷ lệ hộ gia đình sử dung thiết bị thông minh: Đã có 4.466Tk chuẩn hóa /7.258 hộ dân, đạt 61,25%.

Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet cáp quang băng rộng: Đã có 4.021/7.258 hộ dân lắp đặt kết nối internet băng rộng, đạt 55,4%.

Các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của huyện và xã đều được cài đặt và vận hành tại hạ tầng dùng chung của tỉnh*.*

**4. Nhân lực số** *(Đạt 3/8 tiêu chí, đang thực hiện 1/8 tiêu chí, chưa thực hiện 4/8 tiêu chí)*

UBND huyện và các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc đã ban hành văn bản phân công nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin*.*

UBND các xã, thị trấn đã thành lập tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng mỗi thôn tổ sẽ thành lập một tổ công nghệ số cộng đồng. Đã có 10/10 xã, thị trấn thành lập tổ công nghệ số cộng đồng với 60 tổ/60 thôn, tổ dân phố*.*

Kiện toàn tổ công nghệ số cộng đồng đã có 5/10 xã, thị trấn thực hiện: Hương Xuân, Thượng Quảng, Hương Sơn, Thị trấn khe tre, Hương Phú (32/60 TCNS)*.*

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 07/5/2024 về bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho tổ công nghệ số cộng đồng năm 2024. Đã có 53/60 thành viên tổ CNS tham gia.

**5. An toàn thông tin** *(Đạt 4/4 tiêu chí)*

Triển khai giải pháp an toàn dữ liệu và phòng, chống virus mạng máy tính cho các cơ quan đơn vị; 100% cán bộ, công chức, viên chức đã triển khai sử dụng thư điện tử công vụ; Đã thực hiện triển khai cài đặt 2 phần mềm BKAV Endpoint 15 và Viettel Endpoint Detection & Response, Viettel Endpoint Security; Đảm bảo đúng quy định máy tính cấu hình cài đặt Windows 10*.*

Ban hành các văn bản tuyên truyền các biện pháp phát hiện, ngăn chặn nguy cơ gây mất an toàn thông tin do lỗ hổng trong sản phẩm Microsoft gây ra tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc theo hướng dẫn của Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và truyền thông, Sở Thông tin và truyền thông. Đến nay, trên địa bàn huyện không xảy ra sự cố liên quan đến an toàn, an ninh mạng.

Không có lây nhiễm mã độc, virus vào máy tính công vụ đảm bảo theo quy định*.*

**6. Chính quyền số** *(Đạt 2/7 tiêu chí, đang thực hiện 5/7 tiêu chí)*

Tỷ lệ thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình có 185/387 tổng thủ tục hành chính (Đạt 47.8%).

Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đăng ký hồ sơ trực tuyến cấp huyện từ Dịch vụ công là 1.627/1.663 tổng hồ sơ (Đạt 97,8%).

Tỷ lệ vi phạm yêu cầu xử lý hồ sơ có 64 hồ sơ vi phạm (Chiếm 5,27%).

Đã Tham gia vận hành nền tảng làm việc số dùng chung toàn tỉnh tại địa chỉ <https://cqs.thuathienhue.gov.vn>

Đã sử dụng nền tảng báo cáo số dùng chung để làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai trên cơ sở dữ liệu số (Đã sử dụng nền tảng báo cáo số dùng chung <https://bc.thuathienhue.gov.vn>)*.*

Đã vận hành hình thức quản lý hiện trạng trên nền tảng bản đồ số dùng chung toàn tỉnh (Đã sử dụng nền tảng bản đồ số dùng chung <https://map.thuathienhue.gov.vn>)*.*

**7. Xã hội số** *(Đạt 1/5 tiêu chí, đang thực hiện 4/5 tiêu chí)*

Đã có 82% tài khoản định danh mức 2 được kích hoạt cho công chức, viên chức và người lao động, công dân đủ điều kiện cấp CCCD*.*

Đã có 785 TK/15.958 TK Hue-S người dân từ 15 tuổi trở lên có sử dụng điện thoại di động thông minh mở tài khoản Ví điện tử trên Hue-S*.*

Đã có 989 TK/15.958 TK Hue-S được cấp chữ ký số thông qua Hue-S*.*

Đã có 100% công chức, viên chức được trang bị chữ ký số công vụ*.*

Triển khai thực hiện Công văn số 372/UBND-VHTT ngày 11/3/2024 của UBND huyện về triển khai số hóa địa chỉ số, tính đến 10/6/2024 trên toàn huyện đã có 3.632/7.258 địa chỉ được số hóa *[[4]](#footnote-4),* đạt 50,04 %.

**8. Kinh tế số** *(Đang thực hiện 4/4 tiêu chí)*

Triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin, Cổng Thông tin điện tử huyện về công tác triển khai chuyển đổi số. Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong điều  
hành, quản lý, sản xuất, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử; ứng dụng đồng bộ các nền tảng công nghệ số phục vụ công tác quản lý, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm.

Công chức, viên chức, người lao động sử dụng các dịch vụ có trên Hue-S bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt[[5]](#footnote-5) *(Đã có* 785TK/968TK *kích hoạt thanh toán không dùng tiền mặt trên Hue-S, đạt 81,1*%).

**9. Dịch vụ đô thị thông minh** *(Đạt 2/6 tiêu chí, đang thực hiện 4/6 tiêu chí)*

Đã triển khai chức năng thông báo, cảnh báo trên Hue-S đến cho người dân, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (đã đăng tải 14 bản tin thông báo, cảnh báo trên Hue-S).

Đã vận hành nền tảng làm việc số và xử lý trước hạn 8/8 phản ánh hiện trường.

Mức độ hài lòng tương tác với người dân, doanh nghiệp: Đã có 1/8 phản ánh hiện trường không hài lòng, chiếm 12,50% *(Phản ánh hiện trường không hài lòng:* *Kiến nghị bắt điện chiếu sáng tại đường A Lơn).*

Mức độ bức xúc khi tương tác với người dân doanh nghiệp: Đã có 0/8 phản ánh hiện trường có cảm nhận bức xúc khi xử lý vấn đề.

Đã triển khai thực hiện Công văn số 399/UBND ngày 06/3/2024 số hóa một số tiềm năng, thế mạnh của huyện.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

Thời gian qua, công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện đã được tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, qua đó đã đạt được một số kết quả quan trọng, tạo nền tảng để tổ chức triển khai thực hiện công cuộc chuyển đổi số của huyện trong giai đoạn tiếp theo. 10/10 xã, thị trấn đã kiện toàn Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số. Toàn huyện đã thành lập 60 tổ cộng nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố với 274 thành viên, là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các cấp, đóng vai trò then chốt đưa công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân. Đến nay, đã hoàn thành 20/53 tiêu chí chuyển đổi số cấp huyện.

**2. Một số tồn tại và hạn chế**

Việc xây dựng các bản tin về Truyền thông chính sách, Truyền thông nội bộ tại phần mềm Hue-S chưa được thường xuyên xử lý.

Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động đã tiếp cận thông tin từ chức năng “Truyền thông, cảnh báo” trên phần mềm Hue-S nhưng vẫn chưa đạt.

Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động chưa hiệu quả nên tỷ lệ số hóa địa chỉ nhà một số xã còn thấp.

Các sản phẩm của các địa phương chưa tham gia sàn thương mại điện tử thông qua phần mềm Hue-S.

**3. Nguyên nhân hạn chế**

Chuyển đổi số vẫn còn là vấn đề mới, nhận thức xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng về chuyển đổi số của một số cán bộ, công chức, viên chức, người dân còn hạn chế.

Nguồn nhân lực số ở các địa phương còn chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng, chất lượng. Trình độ sử dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của người dân còn hạn chế nên việc tiếp cận, cài đặt sử dụng các nền tảng số còn gặp nhiều khó khăn.

**4. Giải pháp**

**4.1 Nhận thức số**

Các cơ quan, đơn vị trực thuộc; UBND các xã, thị trấn xây dựng, biên tập phát đi các bản tin thuộc các nhóm về Truyền thông chính sách, Truyền thông nội bộ, thông báo, cảnh báo trên Hue-S.

**4.2 Hạ tầng số**

Các cơ quan, đơn vị trực thuộc; UBND các xã, thị trấn triển khai các giải pháp vận động bao gồm cả xã hội hóa nhằm khuyến khích hộ gia đình, người dân trong độ tuổi trưởng thành sử dụng thiết bị thông minh (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng) có cài đặt Hue-S và được chuẩn hóa thông tin, khuyến khích sử dụng theo chế độ đăng nhập.

**4.3 Nhân lực số**

UBND các xã, thị trấn rà soát kiện toàn tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đáp ứng nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của chuyển đổi số.

**4.4 Chính quyền số**

Các cơ quan liên quan, các xã, thị trấn chủ động các giải pháp nhằm nâng cao và công bố dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Khuyến khích nhằm thúc đẩy người dân đăng ký trực tuyến, hạn chế chỉnh sửa hồ sơ theo quy định. Tiếp nhận góp ý, trả lời câu hỏi của tổ chức, công dân và cơ quan báo chí.

**4.5 Xã hội số**

Công an huyện phối hợp với công an các xã, thị trấn triển khai các giải pháp nhằm phổ cập các tài khoản định danh mức 2 cho công dân đủ điều kiện cấp CCCD. Các xã, thị trấn triển khai các giải pháp thúc đẩy người dân đăng ký chữ ký số thông qua Hue-S.

Tổ công nghệ số cộng đồng triển khai số hóa cho các hộ gia đình trên địa bàn qua ứng dụng Hue-S. Tăng cường tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có sử dụng điện thoại di động thông minh mở tài khoản Ví điện tử trên Hue-S. Khuyến khích công dân có tài khoản ngân hàng khác liên kết với tài khoản ví điện tử.

**4.6 Kinh tế số**

UBND các xã, thị trấn thống kê các cơ sở kinh doanh trên địa bàn có dán mã QR (VietQR) phục vụ thanh toán trực tuyến (báo cáo về cơ quan thường trực bằng file điện tử có ký số). Tổ chức các giải pháp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa lên sàn thương mại điện tử phổ biến thông qua phần mềm Hue-S.

**4.7 Dịch vụ đô thị thông minh**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các giải pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi xử lý các vấn đề liên quan. Số hóa các điểm du lịch tích hợp lên ứng dụng du lịch trên Hue-S.

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ III**

**1.** Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi số, nâng cao hơn nữa nhận thức phòng, tránh nguy cơ mất an toàn thông tin nội bộ cho công chức, viên chức và người lao động; chú trọng xây dựng văn bản chỉ đạo, cụ thể hóa thực hiện có kết quả các chỉ tiêu văn bản chỉ đạo của tỉnh.

**2.** Hoàn thiện các tiêu chí đã đạt để báo cáo tại cổng chuyển đổi số của UBND tỉnh.

**3.** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số và những hiệu quả thiết thực của phần mềm Hue-S cho người dân, doanh nghiệp.

**4.** Tiếp tục rà soát, tạo địa chỉ số theo các yêu cầu đảm bảo 100% hộ gia đình được số hóa địa chỉ.

**5.** UBND các xã, thị trấn rà soát kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đáp ứng nhiệm vụ phù hợp với điều kiện phát triển thực tiễn của chuyển đổi số.

**6.** Phối hợp Triển khai tập huấn nghiệp vụ trực tuyến trên nền tảng Hue-S về kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động và tổ công nghệ số cộng đồng.

**7.** Phối hợp tổ chức tập huấn “Bàn làm việc số” cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số Quý II và phương hướng, nhiệm vụ Quý III năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - CT và các PCT UBND huyện;  - Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;  - UBND các xã, thị trấn;  - VP: LĐ và các CV;  - Lưu: VT. | **TRƯỞNG BAN**  **Trần Quốc Phụng** |

**Phụ Lục các văn bản để chỉ đạo trong công tác Chuyển đổi số**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/BC-BCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số ký hiệu** | **Ngày ban hành** | **Trích yếu** | **Ghi chú** |
| 1 | 125/KH-UBND | 02/4/2024 | Về tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin năm 2024 trên địa bàn huyện |  |
| 2 | 486/UBND-VHTT | 02/4/2024 | Về triển khai nền tảng số truyền thông trên ứng dụng Hue-S |  |
| 3 | 530/UBND-VHTT | 10/4/2024 | Về thực hiện tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2024 |  |
| 4 | 569/UBND-VHTT | 16/4/2024 | Về giao nhiệm vụ thực hiện tiêu chí chuyển đổi số năm 2024 |  |
| 5 | 586/UBND-VHTT | 19/4/2024 | Về thực hiện Công điện của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin |  |
| 6 | 588/UBND-VHTT | 19/4/2024 | Về phối hợp nâng cao chỉ số chuyển đổi số của huyện đối với tiêu chí điện thoại thông minh |  |
| 7 | 605/UBND-VHTT | 22/4/2024 | Về cung cấp số liệu liên quan để đánh giá Bộ chỉ số Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023 |  |
| 8 | 646/UBND-VHTT | 02/5/2024 | Về triển khai phát triển hạ tầng số năm 2024 |  |
| 9 | 648/UBND-VHTT | 02/5/2024 | Về tăng cường công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin |  |
| 10 | 149/KH-UBND | 07/5/2024 | Về triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung cho hệ thống máy chủ; máy tính cho toàn bộ các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện năm 2024 |  |
| 11 | 152/KH-UBND | 07/5/2024 | Về bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách và tổ công nghệ số cộng đồng năm 2024 |  |
| 12 | 833/UBND-VHTT | 28/5/2024 | Về chuyển đổi sử dụng thống nhất tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho các nền tảng số tỉnh Thừa Thiên Huế |  |
| 13 | 848/UBND-VHTT | 29/5/2024 | Về phối hợp trả lời phiếu khảo sát trực tuyến về năng lực số của cán bộ, công chức, viên chức. |  |

**Phụ lục**

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC CẤP CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/BC-BCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | | **Thực hiện** | **Điều kiện** | | **Tài liệu kiểm chứng** | **Điểm** | **Kết quả thực hiện** |
| **I** | **Nhận thức số** | | | | | | | |
| 1 | Ban chỉ đạo chuyển đổi số | Các Sở, ngành, địa phương ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số | | Người đứng đầu đơn vị làm trưởng ban chỉ đạo; | | Quyết định bằng file điện tử có ký số | 5 | Đạt |
| 2 | Tổ chức họp Ban chỉ đạo chuyển đổi số định kỳ | Định kỳ Ban chỉ đạo chuyển đổi số tổ chức họp đánh giá kết quả và triển khai kế hoạch nâng có hiệu quả công tác chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương | | Tối thiểu một năm triển khai 2 cuộc. Cuộc họp lần cuối cùng phải triển khai trước 15/11 hằng năm. Tổ chức 1 cuộc thì đạt 50% số điểm | | Thông báo kết luận bằng file điện tử có ký số | 10 | Đạt |
| 3 | Công khai thông tin đơn vị | Trang thông tin điện tử các sở, ngành địa phương phải được thường xuyên cập nhật thông tin đơn vị khi có thay đổi về lãnh đạo, cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ | | Định kỳ 1 năm 1 lần có rà soát nội dung và cập nhật biến động trước 15/11. | | Dữ liệu số tự động ghi nhận thời điểm thao tác tại trang thông tin điện tử | 5 | Đang thực hiện |
| 4 | Bản tin hoạt động lãnh đạo đơn vị | Tại các trang thông tin điện tử thường xuyên được cập nhật bản tin hoạt động lãnh đạo đơn vị (Là các hoạt động do lãnh đạo đơn vị chủ trì triển khai) | | Tối thiểu 24 tin bài. | | Dữ liệu sẽ tự động tổng hợp từ trang thông tin điện tử | 24 | 104 tin/24 tin  Đạt |
| 5 | Tin hoạt động đơn vị | Tại các trang thông tin điện tử thường xuyên được cập nhật các chương trình, hoạt động diễn ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương (Bao gồm các hoạt động do lãnh đạo tham dự nhưng không với vai trò chủ trì). | | Tối thiểu 24 tin bài. | | Dữ liệu sẽ tự động tổng hợp từ trang thông tin điện tử | 24 | 25/24 tin  Đạt |
| 6 | Truyền thông chính sách | Tại Hue-S: Các sở, ngành, địa phương thường xuyên cung cấp bản tin truyền thông chính sách thuộc phạm vi sở, ngành, địa phương quản lý. | | Tối thiểu 24 tin bài trên nền tảng Hue-S | | Dữ liệu sẽ tự động tổng hợp từ Hue-S | 24 | Đang triển khai thực hiện |
| 7 | Truyền thông nội bộ | Tại Hue-S: Các sở, ngành, địa phương sử dụng để cung cấp thông tin nội bộ cho công chức, viên chức, người lao động. | | Tối thiểu 24 tin bài trên nền tảng Hue-S | | Dữ liệu sẽ tự động tổng hợp từ Hue-S | 24 | Đang triển khai thực hiện |
| 8 | Phát thanh cơ sở | Tại hệ thống phát thanh cơ sở, các bản tin về chuyển đổi số phải được định kỳ phát để truyền thông trong cộng đồng thông qua “Hệ thống thông tin nguồn” | | Tối thiểu 24 bản tin trên hệ thống phát thanh thông minh | | Dữ liệu được tổng hợp từ hệ thống thông tin nguồn | 24 | Đang triển khai thực hiện |
| 9 | Tiếp cận thông tin của người dân | Tại Hue-S: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của các sở, ngành, địa phương để biên tập phát đi các bản tin thuộc các nhóm (Thông báo, cảnh báo, bản tin truyền thông .v.v.). Các bản tin sẽ được hiển thị tại chức năng “Truyền thông, cảnh báo” trên Hue-S phục vụ cung cấp thông tin cho người dân | | Số lượng bản tin tối thiểu là 5 tin trên 1 năm được xem đủ cơ sở để tính điểm.  Điểm được tính trên tỷ lệ người dân trên địa phương đã đọc thông tin (Trạng thái đã đọc tin sẽ được Hue-S ghi nhận) | | Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S | 20 | 6 tin  Đạt |
| 10 | Tiếp cận thông tin của công chức, viên chức, người lao động | Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị đã đọc thông tin từ chức năng “Truyền thông, cảnh báo” trên Hue-S | | Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động trong sở, ngành, địa phương đã đọc tin | | Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S | 10 | Công chức, viên chức, người lao động đã tiếp cận thông tin: 787/968 Đạt 81,3% |
| **II** | **Thể chế số** | | | | | | | |
| 1 | Ban hành kế hoạch chuyển đổi số hằng năm | Hằng năm các sở, ngành địa phương xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi số trên phạm vi của các sở, ngành, địa phương. | | Văn bản điện tử được ban hành trong tháng 1 hẳng năm sẽ đạt tối đa điểm, sau thời gian trên sẽ đạt 50% số điểm | | File điện tử có ký số. | 10 | Đạt |
| 2 | Văn bản chỉ đạo chuyển đổi số | Các sở, ngành, địa phương kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên cơ sở các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh | | Số lượng văn bản chỉ đạo căn cứ vào số lượng văn bản được ban hành của UBND tỉnh | | File điện tử có ký số | 10 | 19/19  Đạt |
| 3 | Triển khai xếp loại đánh giá chỉ số chuyển đổi số | Sử dụng nền tảng xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố tiên hành tổ chức vận hành nền tảng và xếp loại đánh giá chỉ số chuyển đổi số tại địa phương | | Triển khai theo nền tảng dùng chung của tỉnh | |  | 10 | Đang triển khai thực hiện ( hạn 15/11 đạt) |
| **III** | **Hạ tầng số** | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ công chức, viên chức người lao động sử dụng điện thoại thông minh | Các sở, ngành, địa phương cần rà soát và triển khai các chương trình (kết hợp hoạt động xã hội hóa) nhằm hỗ trợ, khuyến khích công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ngành, địa phương sử dụng điện thoại thông minh | | Điểm được tính căn cứ trên việc cài đặt Hue-S, có chuẩn hóa tài khoản và phải đăng nhập ứng dụng Hue-S trên số lượng công chức, viên chức, người lao động của các sở, ngành, địa phương. | | Dữ liệu tự tổng hợp từ hue-S | 10 | 921Tk/968Tk  *(*47Tk chưa cài đặt Hue-S, chưa chuẩn hóa chiếm 2,64%).  Đạt 97,36% |
| 2 | Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành sử dụng thiết bị thông minh | Các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn triển khai các giải pháp (bao gồm cả phương thức xã hội hóa) nhằm khuyến khích người dân ở độ tuôi trưởng thành sử dụng thiết bị thông minh (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng) | | Điểm được tính căn cứ trên việc cài đặt Hue-S, có chuẩn hóa thông tin trên Hue-S (khuyến khích sử dụng theo chế độ đăng nhập) trên số dân trong độ tuổi trưởng thành ở địa phương | | Dữ liệu tự động tổng hợp từ Hue-S | 30 | Đã có 15.958 Tk  Hue-S, trong đó có 4.466 Tk chuẩn hóa chiếm 27,99% |
| 3 | Tỷ lệ hộ gia đình sử dung thiết bị thông minh | Các huyện, thị xã, thành phố, xã phường, thị trấn triển khai các giải pháp (bao gồm cả xã hội hóa) khuyến khích mỗi hộ gia đình có ít nhất một nhân khẩu sử dụng thiết bị thông minh (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng) | | Điểm được tính trên cơ sở xác định số lượng nhân khẩu tối thiểu sử dụng thiết bị thông minh trên số hộ gia đình. Có cài đặt Hue-S và được chuẩn hóa thông tin, khuyến khích sủ dụng theo chế độ đăng nhập | | Dữ liệu tự động tổng hợp từ Hue-S | 10 | Đã có 4.466Tk chuẩn hóa /7.258 hộ dân  Đạt 61,25% |
| 4 | Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet cáp quang băng rộng | Các huyện, thị xã, thành phố, xã phường, thị trấn triển khai các giải pháp (bao gồm cả xã hội hóa) nhằm khuyên khích mỗi hộ gia đình lắp đặt kết nối internet băng rộng | | Tính theo tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn có lắp đặt sử dụng internet băng rộng | | Dữ liệu từ Sở Thông tin và Truyền thông | 10 | Đã có 4.021/7.258 hộ dân lắp đặt kết nối internet băng rộng  Đạt 55,4% |
| 5 | Công chức, viên chức, người lao động sử dụng nền tảng điện toán đám mây | Công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ngành, địa phương sử dụng phương thức lưu trữ tại liệu điện tử trên nền tảng điện toán đám mây dùng chung của tỉnh thay thế cho việc lưu trữ tại máy tính hoặc thiết bị ngoại vi khác | | Tỷ lệ số dữ liệu phát sinh lưu trữ theo số lượng công chức, viên chức, người lao động tại các sở, ngành, địa phương có lưu trữ dữ liệu | | Dữ liệu được tự động tổng hợp trên Hue-S | 10 | UBND tỉnh chưa triển khai |
| 6 | Sử dụng hạ tầng dùng chung cho các nền tảng số | Các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, địa phương chủ động đầu tư phải được cài đặt và vận hành tại hạ tầng dùng chung của tỉnh (Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh) ngoại trừ các nền tảng do các Bộ, ngành, trung ương triển khai theo ngành dọc. | | Điểm được tính theo tỷ lệ các nền tảng số, hệ thống thông tin đang vận hành trên tổng số được cài đặt tại hạ tầng dùng chung của tỉnh. Chỉ số sẽ đưa vào tính nếu không phát sinh | | Dữ liệu do IOC đánh giá | 10 | Đạt |
| **IV** | **Nhân lực số** | | | | | | | |
| 1 | Nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số, an toàn thông tin | Các sở, ngành, địa phương ban hành văn bản phân công nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin bao gồm:  - Chuyên trách chung cho toàn đơn vị, địa phương.  - Kiêm nhiệm nhiệm vụ cho từng phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc | | Điểm được tính theo đơn vị và số lượng phòng ban trong đơn vị.  Quyết định bằng file điện tử có ký số. | | Quyết định bằng file điện tử có ký số | 10 | Đạt |
| 2 | Tổ công nghệ số cộng đồng đến thôn, bản, tổ dân phố | Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chỉ đạo thành lập tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng mỗi thôn tổ sẽ thành lập một tổ công nghệ số cộng đồng | | Tính theo số lượng Tổ được thành lập theo số lượng thôn, tổ trên địa bàn. | | Quyết định bằng file điện tử có ký số | 10 | (60 tổ/60 thôn, TDP)  Đạt |
| 3 | Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng | Hằng năm các huyện thị xã, thành phố chỉ đạo rà soát kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đáp ứng nhiệm vụ phù hợp với điều kiện phát triển thực tiễn của chuyển đổi số | | Tính theo số lượng được kiện toàn trên số lượng Tổ được thành lập trong năm | | Quyết định bằng file điện tử có ký số | 10 | 4/10 xã có quyết định Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng  ( hạn 15/11 đạt) |
| 4 | Nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số, an toàn thông tin | Các sở, ngành, địa phương cử nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn, hội thảo do UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức | | Số lượng tham gia đầy đủ đúng thành phần | | Dữ liệu do Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp | 10 | STTTT chưa tổ chức tập huấn và hội thảo |
| 5 | Nghiệp vụ cho Tổ Công nghệ số cộng đồng (trực tiếp) | UBND các huyện, thị xã thành phố tổ chức tập huấn cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên cơ sở hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông | | Tối thiểu 1 năm tổ chức 1 hội nghị tập huấn | | Giấy triệu tập bằng văn bản điện tử có ký số và có bản tin trên Trang thông tin điện tử | 20 | Đạt |
| 6 | Nghiệp vụ cho Tổ Công nghệ số cộng đồng (trực tuyến) | UBND các huyện, thị xã, thành phố có phương cán chỉ đạo các địa phương, Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia vào chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ trực tuyến trên nền tảng Hue-S | | Số lượng nhân sự Tổ công nghệ số cộng đồng có tham gia vào chương trình | | Dữ liệu được tự động tổng hợp tại Hue-S | 20 | STTTT chưa triển khai chương trình |
| 7 | Kỹ năng số trong cho người dân | Trên cơ sở chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người dân trên Hue-S, các huyện, thị xã, thành phố triển khai các giải pháp nòng cốt là Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân tham gia vào chương trình | | Tỷ số số người dân đã tham gia học và kiểm tra theo chương trình của tỉnh trên Hue-S | | Dữ liệu được tự động tổng hợp từ Hue-S | 30 | STTTT chưa triển khai chương trình |
| 8 | Kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động | Trên cơ sở chương trình đào tạo trực tuyến nâng cao kỹ năng số cho người dân trên Hue-S, các sở, ngành, địa phương chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động truy cập tham gia chương trình. | | Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ngành, địa phương tham gia chương trình | | Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S | 10 | STTTT chưa triển khai chương trình |
| **V** | **An toàn thông tin** | | | | | | | |
| 1 | Cài đặt phần mềm chống mã độc | | Các sở, ngành, địa phương đảm bảo điều kiện thiết bị máy tính phục vụ công vụ đạt cấu hình tối thiểu được hướng dẫn và có cài đặt phần mềm chống mã độc tập trung, dùng chung của tỉnh | Căn cứ và số lượng được cài đặt trên số lượng công chức, viên chức, người lao động trong sở, ngành, địa phương | | Dữ liệu được IOC tổng hợp | 10 | Đạt |
| 2 | Cài đặt phần mềm phòng chống virus | | Các sở, ngành, địa phương đảm bảo điều kiện thiết bị máy tính phục vụ công vụ đạt cấu hình tối thiểu được hướng dẫn và có cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung, dùng chung của tỉnh | Căn cứ và số lượng được cài đặt trên số lượng công chức, viên chức, người lao động trong sở, ngành, địa phương | | Dữ liệu được IOC tổng hợp | 10 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lây nhiễm mã độc, virus | | Các sở, ngành, địa phương chỉ đạo việc sử dụng máy tính công vụ đảm bảo theo quy định nằm hạn chế việc lây nhiễm mã độc, virus vào các máy tính công vụ | Tỷ lệ lây nhiễm càng nhiều thì số điểm càng thấp | | Dữ liệu được IOC tổng hợp | 10 | Đạt |
| 4 | Tỷ lệ khắc phục nhiễm mã độc, virus | | Các sở, ngành, địa phương kịp thời chỉ đạo phòng chống và khắc phục việc lây nhiễm mã độc, virus được phát hiện do Sở Thông tin và Truyền thông thông báo | Điểm được tính theo số lượng được xử lý theo số lượng văn bản do Sở Thông tin và Truyền thông thông báo. | | Dữ liệu được IOC tổng hợp | 10 | Đạt |
| **VI** | **Chính quyền số** | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình | | Các Sở, ngành, địa phương chủ động các giải pháp nhằm nâng cao và công bố dịch vụ công trực tuyến toàn trình. | Điểm được tính trên cơ sở các quyết định công bố. Đơn vị đặc thù không tinh tiêu chí này | | Dữ liệu tự tổng hợp trên CSDL TTHC của tỉnh | 5 | 185/387 TTHC  Đạt 47.8% |
| 2 | Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đăng ký hồ sơ trực tuyến | | Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp khuyến khích nhằm thúc đẩy người dân đăng ký trực tuyến. | Công nhận trực tuyến nếu hồ sơ được đăng ký từ 3 nguồn sau: Cổng dịch vụ công quốc gia; Cổng dịch vụ công tỉnh và Hue-S | | Dữ liệu tự động tổng hợp | 20 | 1.627/1.663 tổng hồ sơ (Đạt 97,8%). |
| 3 | Tỷ lệ vi phạm yêu cầu xử lý hồ sơ | | Số lần yêu cầu hoàn thiện và chỉnh sửa hồ sơ kèm theo nội dung phải đảm bảo theo quy định | Trung tâm IOC giám sát trực tiếp dữ liệu phát sinh | | Dữ liệu tự động tổng hợp | 10 | 64 hồ sơ chiếm 5,27% |
| 4 | Nền tảng làm việc số | | Các sở, ngành, địa phương tham gia vận hành nền tảng làm việc số dùng chung toàn tỉnh. Tối thiểu vận hành các chức xử lý sau: Phản ánh hiện trường; Tiếp nhận góp ý; Trả lời câu hỏi công dân, tổ chức; Trả lời câu hỏi báo chí; Họp không giấy tờ; Lưu trữ điện tử trên điện toán đám mây. | Điểm được tính trên cơ sở dữ liệu có phát sinh trên nền tảng | | Dữ liệu tự động tổng hợp | 10 | Đang triển khai thực hiện |
| 5 | Nền tảng báo cáo số | | Các sở, ngành, địa phương sử dụng nền tảng báo cáo số dùng chung để làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai trên cơ sở dữ liệu số | Điểm được tính trên cơ sở phát sinh số lượng đăng nhập vào nền tảng | | Dữ liệu tự động tổng hợp | 10 | Đạt |
| 6 | Nền tảng bản đồ số | | Mỗi sở, ngành, địa phương phải vận hành tối thiểu một loại hình thức quản lý hiện trạng trên nền tảng bản đồ số dùng chung toàn tỉnh | Điểm được tính trên cơ sở số lượng dữ liệu có sử dụng | | Dữ liệu tự động tổng hợp | 10 | Đạt |
| 7 | Tổng ngân sách chi cho chuyển đổi số | | UBND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ ngân sách chi cho chuyển đổi số | Điểm được tính trên tỷ lệ cho chuyển đổi số | | Báo cáo bằng văn bản điện tử có ký số | 10 | Đang triển khai thực hiện |
| **VII** | **Xã hội số** | | | | | | | |
| 1 | Tài khoản định danh điện tử mức 2 | | Các sở, ngành địa phương triển khai các giải pháp nhằm phổ cập tài khoản định danh mức 2 cho công chức, viên chức và người lao động, công dân đủ điều kiện cấp CCCD | Yêu cầu đạt tài khoản định danh mức độ 2 áp dụng trên VNeID | | Dữ liệu báo cáo từ Công an tỉnh | 10 | Đã kích hoạt 82% tài khoản định danh mức 2 |
| 2 | Tài khoản thanh toán điện tử | | Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp nhằm tăng cường tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có sử dụng điện thoại di động thông minh mở tài khoản Ví điện tử trên Hue-S. Khuyến khích công dân có tài khoản ngân hàng khác liên kết với tài khoản ví điện tử | Tài khoản được xác định từ ví điện tử trên Hue-S (Không bắt buộc phải phát sinh thanh toán) | | Dữ liệu thống kê từ Hue-S | 10 | Đã có 785/15.958TK Hue-S mở tài khoản Ví điện tử (đạt 4,9%) |
| 3 | Chữ ký số | | Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp thúc đẩy người dân đăng ký chữ ký số thông qua Hue-S | Dữ liệu được phát sinh hoặc cập nhật trên Hue-S | | Dữ liệu thống kê từ Hue-S | 10 | Đã có 989TK/15.958TK Hue-S được cấp chữ ký số thông qua Hue-S  Đạt 6,19% |
| 4 | Chữ ký số công vụ | | Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo 100% công chức, viên chức được trang bị chữ ký số công vụ | Dữ liệu được liên kết với Hue-S | | Dữ liệu thống kê từ Hue-S | 10 | Đạt |
| 5 | Địa chỉ số | | Các huyện, thị xã, thành phố triển khai giải pháp số hóa địa chỉ số cho các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh qua ứng dụng Hue-S | Số hộ gia đình có địa chỉ số trên Hue-S và dữ liệu được xác nhận chính xác | | Dữ liệu thống kê từ Hue-S | 10 | 3.632/7.258 địa chỉ được số hóa  Đạt 50,04 % |
| **VIII** | **Kinh tế số** | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ cơ sở kinh doanh doanh trên địa bàn có dán mã QR (VietQR) phục vụ cho thanh toán trực tuyến | | Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các giải pháp phổ cập việc cung cấp mã QR trong các cơ sở kinh doanh | Mã QR được sử dụng chuẩn là mà VietQR | | Báo cáo bằng file điện tử có ký số | 10 | Đang triển khai thực hiện |
| 2 | Tham gia sàn thương mại điện tử | | Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các phải pháp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa lên sàn thương mại điện tử phổ biến thông qua Hue-S | Cung cấp hoặc liên kết thông qua ứng dụng Hue-S | | Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S | 10 | Đang triển khai thực hiện |
| 3 | Sản phẩm địa phương có phát sinh giao dịch từ sàn thương mại điện tử | | Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức truyền thông, khuyến khích tăng trưởng thương mại điện tử trên địa bàn | Dữ liệu ghi nhận sản phẩm trên địa bàn có phát sinh giao dịch | | Công cụ thu thập từ Sở Thông tin và Truyền thông | 10 | Đang triển khai thực hiện |
| 4 | Thanh toán không dùng tiền mặt trong công chức, viên chức | | Các sở, ngành, địa phương khuyến khích công chức, viên chức, người lao động sử dụng các dịch vụ có trên Hue-S bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt | Dữ liệu ghi nhận có phát sinh giao dịch trên Hue-S | | Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S | 10 | Đã có 785TK/968TK kích hoạt thanh toán không dùng tiền mặt trên Hue-S,  Đạt 81,1% |
| **IX** | **Dịch vụ đô thị thông minh** | | | | | | | |
| 1 | Cung cấp dịch vụ trên Hue-S | | Các Sở, ngành đăng ký và phối hợp triển khai tối thiểu 1 dịch vụ có liên quan đến người dân và doanh nghiệp được tích hợp lên Hue-S | | Được tích hợp lên Hue-S. Các đơn vị đặc thù không áp dụng tiêu chí này | Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S | 10 | Đang triển khai thực hiện |
| 2 | Thông báo, cảnh báo | | Các sở, ngành, địa phương triển khai chức năng thông báo, cảnh báo trên Hue-S đến cho người dân, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. | | Dữ liệu có phát sinh | Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S | 10 | Đạt |
| 3 | Tương tác với người dân doanh nghiệp và báo chí | | Các sở, ngành, địa phương vận hành nền tảng làm việc số để triển khai hiệu quả các công cụ tương tác với người dân, doanh nghiệp và báo chí bao gồm: phản ánh hiện trường; Trả lời câu hỏi của người dân; Trả lời câu hỏi của báo chí | | Điểm được tính trên cơ sở tỷ lệ xử lý, trả lời trước hạn và đúng hạn.  Các đơn vị không phát sinh sẽ không tính tiêu chí này | Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S | 10 | Đạt |
| 4 | Mức độ hài lòng tương tác với người dân, doanh nghiệp | | Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ tương tác với người dân | | Điểm được tính trên cơ sở người dân, doanh nghiệp đánh giá | Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S | 10 | Có 7/8 phản ánh hiện trường hài lòng, (đạt 87,5%) |
| 5 | Mức độ bức xúc khi tương tác với người dân doanh nghiệp | | Các sở, ngành, địa phương theo dõi kết quả xử lý và cảm nhận bức xúc của người dân đối với các dịch vụ tương tác với người dân và doanh nghiệp khi xử lý vấn đề | | Điểm được tính trên dữ liệu tương tác của người dân. Bức xúc càng cao thì điểm càng thấp. | Dữ liệu được tổng hợp tử Hue-S | 10 | Đã có 1/8 phản ánh  hiện trường tương tác  khi xử lý vấn đề |
| 6 | Số hóa du lịch | | Các huyện, thị xã, thành phố triển khai giải pháp số hóa các điểm du lịch tích hợp lên ứng dụng du lịch trên Hue-S | | Sử dụng công cụ số hóa trên Hue-S | Báo cáo bằng file điện tử có ký số theo mẫu | 20 | Đang triển khai thực hiện |

1. **I. Nhận thức số:** 1.Ban chỉ đạo chuyển đổi số; 2.Tổ chức họp Ban chỉ đạo chuyển đổi số định kỳ; 4.Bản tin hoạt động lãnh đạo đơn vị; 5.Tin hoạt động đơn vị; 9.Tiếp cận thông tin của người dân; **II. Thể chế số:** 1.Ban hành kế hoạch chuyển đổi số hằng năm; 2.Văn bản chỉ đạo chuyển đổi số; **III. Hạ tầng số:** 6.Sử dụng hạ tầng dùng chung cho các nền tảng số; **IV. Nhân lực số:** 1.Nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số, an toàn thông tin; 2.Tổ công nghệ số cộng đồng đến thôn, bản, tổ dân phố; 5. Nghiệp vụ cho Tổ Công nghệ số cộng đồng (trực tiếp); **V. An toàn thông tin:** 1.Cài đặt phần mềm chống mã độc; 2.Cài đặt phần mềm phòng chống virus; 3.Tỷ lệ lây nhiễm mã độc, virus; 4.Tỷ lệ khắc phục nhiễm mã độc, virus; **VI. Chính quyền số:** 5.Nền tảng báo cáo số; 6.Nền tảng bản đồ số; **VII. Xã hội số:** 4.Chữ ký số công vụ; **IX. Dịch vụ đô thị thông minh:** 2.Thông báo, cảnh báo; 3.Tương tác với người dân doanh nghiệp và báo chí [↑](#footnote-ref-1)
2. **Chưa tiếp cận 181 TK:** Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kim Đồng: 18; Trường Mầm non Thượng Long: 11; Trường Mầm non Thượng Quảng: 11; Trường Tiểu học Hương Hữu: 11; xã Hương Sơn: 10; Trường Mầm non Hương Phú: 9; Trường Tiểu học Thượng Quảng: 9; Trường Trung học cơ sở dân tộc nội trú Nam Đông: 9; Trường Mầm non Hương Lộc: 9; Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Nam Phú: 7; Trường Trung học cơ sở Thị trấn Khe Tre: 7; Trường Mầm non Thượng Lộ: 7; Xã Thượng Long: 6; Trường Tiểu học Hương Lộc: 6; Trường Tiểu học Hương Giang: 5; Trường Mầm non Hương Sơn: 5; Trường Mầm non Hương Hòa: 4; Trường Tiểu học Hương Hòa: 4; Trường Mầm non Hương Hữu: 4; Trường Tiểu học Thượng Lộ: 3; Trường Tiểu học Thượng Long: 3; Trường Tiểu học Hương Sơn: 3; Trường Trung học cơ sở Hương Hòa: 3; Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nam Đông: 3; Trường Tiểu học Thị trấn khe tre: 3; ; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nam Đông: 3; Trường Tiểu học Hương phú: 3; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Nam Đông: 3; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Nam Đông: 2;Trường Mầm non Hương Giang: 2; xã Thượng lộ: 2; xã Hương Phú: 1; xã Thượng Nhật: 1. [↑](#footnote-ref-2)
3. **47 TK chưa cài đặt Hue-S (có chuẩn hóa) chiếm 2,64%:** Trường Trung học cơ sở dân tộc nội trú Nam Đông: 5; Trường Tiểu học Hương Phú: 3; xã Hương Sơn: 3; Trường Mầm non Hương Phú: 3; Trường Trung học cơ sở Hương Hòa: 3; Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kim Đồng: 3; Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Nam Phú: 3; Trường Tiểu học Hương Sơn: 2; Trường Mầm non Hương Lộc: 2; Trường Tiểu học Hương Hữu: 2; Trường Tiểu học Thượng Quảng: 2; Trường Mầm non Thượng Nhật: 2; Trường Mầm non Hoa Đỗ Quyên: 2; Trường Tiểu học Hương Giang: 1; Trường Tiểu học Thượng Lộ: 1; Trường Mầm non Hương Sơn: 1; xã Hương Lộc: 1; Trường Trung học cơ sở TTKT: 2; Xã Hương Phú: 1; Xã Thượng Long: 1;

   Trường Tiểu học Hương Lộc: 1; xã Thượng Nhật: 1; Trường Tiểu học Thượng Long: 1; Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nam Đông: 1. [↑](#footnote-ref-3)
4. **Tổng địa chỉ số:** Thị trấn khe tre 237đc; Hương Xuân 1.200đc; Hương Phú 620đc; Thượng Lộ 170đc; Thượng Nhật 448đc; Hương Lộc 357đc; Thượng Quảng 151đc; Thượng Long 189đ; Hương Hữu 179đc; Hương Sơn: 81đc. [↑](#footnote-ref-4)
5. **183TK chưa kích hoạt gồm:** Trường Mầm non Hương Phú: 14; Trường Mầm non Hương Hòa: 11; Trường Trung học cơ sở dân tộc nội trú Nam Đông: 13; Trường Tiểu học Hương Hòa: 8; Xã Hương Sơn: 7; Trường Tiểu học Hương Lộc: 7; Trường Mầm non Thượng Long: 9; Trường Tiểu học Hương Hữu: 7; Phòng Giáo dục và Đào tạo: 3; Xã Thượng Nhật: 6; Trường Tiểu học Hương Giang: 4; Trường Mầm non Hoa Đỗ Quyên: 7; Trường Mầm non Thượng Lộ: 4; Trường Trung học cơ sở Thị trấn Khe Tre: 10; Trường Mầm non Hương Lộc: 5; Xã Hương Phú: 5;Trường Mầm non Hương Sơn: 4; Trường Mầm non Thượng Nhật: 6; Tiểu học Hương Phú: 4;Trường Trung học cơ sở bán trú Long Quảng: 5; Trung tâm phát triển Quỹ đất: 1; Trường Tiểu học Thượng Lộ: 3; Trường Tiểu học Hương Sơn: 3; Trường Tiểu học TTKT: 5; Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nam Đông: 4; Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kim Đồng: 6; Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Phú: 3; xã Thượng Long: 2; xã Hương Hữu: 2; Trường Mầm non Thượng Quảng: 2; Trung tâm Dịch vụ NN: 1; Trường Trung học cơ sở Hương Hòa: 2; Trường Mầm non Hương Hữu: 2;

   Trung tâm VH-TTTT: 1; Văn phòng HĐND và UBND: 1; Xã Hương Xuân: 1; Xã Thượng Lộ: 1; Thị trấn Khe tre: 1; Trường Tiểu học Thượng Quảng: 1. [↑](#footnote-ref-5)